

Bản án số: 74/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 14-8-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

*-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Ngọc Giao;

Ông Đỗ Văn Cận.

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Văn Phú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:* Bà Đào Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 127/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Cao Ngọc Đ, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm L, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

Bị đơn: Chị Vũ Thị P, sinh năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm L, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định, chỗ ở hiện nay: Xóm H, xã B, huyện G, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 16-5-2024, bản tự khai, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Cao Ngọc Đ trình bày: Anh và chị Vũ Thị P tự nguyện tìm hiểu đã được Ủy ban nhân dân xã G cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13-11-2009. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn mười năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng có 01 con

chung là Cao Đức P1, sinh ngày 14-10-2020. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Vũ Thị P. Anh đề chị P nuôi con chung và nhận cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho tới khi con đủ 18 tuổi; về tài sản: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 04-6-2024, ông Vũ Văn Đ1 trình bày: Anh Cao Ngọc Đ và chị Vũ Thị P được Ủy ban nhân dân xã G cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2009. Mâu thuẫn giữa anh Đ và chị P là do bất đồng quan điểm sống; vợ chồng có 01 con chung là Cao Đức P1, sinh ngày 14-10-2020 hiện đang ở với mẹ. Anh Đ, chị P không vướng mắc gì về kinh tế đối với gia đình. Nay anh Đ có đơn ly hôn chị P, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản làm việc ngày 04-6-2024, đại diện chính quyền địa phương, cơ sở xã G, huyện G, tỉnh Nam Định cung cấp: Anh Cao Ngọc Đ và chị Vũ Thị P được Ủy ban nhân dân xã G cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2009. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống; vợ chồng có 01 con chung là Cao Đức P1, sinh ngày 14-10-2020 và hiện không vướng mắc gì về kinh tế đối với địa phương. Nay anh Đ có đơn ly hôn chị P, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử lý hôn giữa anh Cao Ngọc Đ và chị Vũ Thị P. Giao chị Vũ Thị P nuôi con chung Cao Đức P1, sinh ngày 14-10-2020; anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị P là 2.000.000 đồng/tháng cho tới khi con chung đủ 18 tuổi. Về án phí: Đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Cao Ngọc Đ đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; chị Vũ Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Cao Ngọc Đ và chị Vũ Thị P tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G cấp giấy

chứng nhận kết hôn vào ngày 13-11-2009 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên anh Đ2 đã nộp đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị P. Đối với việc chị P vắng mặt, không tham gia tố tụng, không thể hiện ý kiến phản hồi trước yêu cầu ly hôn của anh Đ; cho thấy bị đơn đã không quan tâm đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình với nguyên đơn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Đ và chị P mâu thuẫn đã trầm trọng, nếu kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy, chấp nhận nguyện vọng của anh Đ xin ly hôn chị P là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Anh Đ và chị P có 01 con chung Cao Đức P1, sinh ngày 14-10-2020, hiện đang ở với chị P. Căn cứ vào nguyện vọng của đương sự và để đảm bảo ổn định cho việc học tập, sự phát triển tốt nhất của con chung nên giao chị P tiếp tục nuôi con chung và anh Đ nhận nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị P 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Đ phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ và chị P có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa anh Cao Ngọc Đ và chị Vũ Thị P.

2. Về con chung: Giao chị Vũ Thị P nuôi con chung Cao Đức P1, sinh ngày 14-10-2020; anh Cao Ngọc Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị P mỗi tháng là 2.000.000 đồng kể từ tháng 9 năm 2024 cho tới khi con chung đủ 18 tuổi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Anh Cao Ngọc Đ phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0004620 ngày 28-5-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; nay đối trừ, anh Đ phải nộp 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Cao Ngọc Đ và chị Vũ Thị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- UBND xã Giao Phong;
- Lại hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thu Hiền**